

Bản án số: 21/2017/HCST
Ngày: 21/6/2017
V/v “*Kiến Quyết định hành chính
về quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Thiện
Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Quang
Ông Nguyễn Phi Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Mỹ Tho, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa -
Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Thành Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2016/TLST-HC ngày 7/11/2016 về việc
khởi kiện “*Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của Ủy ban nhân dân
huyện C về việc phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất*”,
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2017/QĐXXST-HC ngày 05/5/2017,
Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2017/QĐST-HC ngày 18/5/2017, giữa các đương
sự:

- Người khởi kiện: Ông Võ Huy H, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số 7, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Quang N, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 55 đường T, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Địa chỉ: Số 28, đường A, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Võ Thành T - Phó Trưởng
Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C.

Ông N, ông T có mặt; ông H vắng mặt; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C
vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 21/7/2015 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
ban hành Quyết định số 534/QĐ-UBND thu hồi 1.144,8m² đất của ông Võ Huy H để
thực hiện dự án Trường hợp cơ sở C, trong đó:

1. Thu hồi 27,8 m² đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng (CNQSD) đất thửa 270 tờ bản đồ số 28 tại đường N được bồi thường.

2. Thu hồi 1,117m² đất không có giấy CNQSD đất thuộc một phần thửa đất số 1/270 tờ bản đồ số 28 tại đường N không được bồi thường.

Ngày 21/7/2016 Chủ tịch UBND huyện C có Quyết định số 535/QĐ-UBND phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Trường Trung học cơ sở C (viết tắt Quyết định số 535); theo Bảng tính tổng hợp kinh phí bồi thường hỗ trợ do Ban quản lý dự án huyện C lập (ban hành kèm theo Quyết định số 535) thì ông H được bồi thường, hỗ trợ 27,8m² với số tiền là 26.387.520 đồng.

Ngày 22/01/2016 UBND huyện C ban hành Quyết định số 63/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 63) về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ (bổ sung) khi Nhà nước thu hồi đất của hộ ông H để đầu tư xây dựng công trình Trường Trung học cơ sở C, số tiền ông H được bồi thường hỗ trợ bổ sung về đất, hoa màu, vật kiến trúc là 31.359.120 đồng mà không bồi thường 1.117m² đất, nên ông H khởi kiện Quyết định số 63.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người khởi kiện trình bày:

Năm 1998 ông H khai phá được 01 mảnh đất 2.514m² tại số 9 huyện C, ông H có rào kẽm gai và cột bê tông để trồng hoa màu và chăn nuôi, sử dụng đất ổn định liên tục đến nay. Theo Biên bản xác minh ngày 07/7/2016 xác định ông H sử dụng đất từ năm 1998; do đó diện tích 1.117m² đất của ông H đủ điều kiện được cấp giấy CNQSD đất theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai năm 2013 và Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP nên 1.117m² đất đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013.

Ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án sửa một phần Quyết định số 63 để bồi thường hỗ trợ cho ông H đối với diện tích 1.117 m² đất.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người bị kiện trình bày:

Theo đơn xin cấp giấy CNQSD đất lập ngày 05/5/2009 của bà Nguyễn Thị P (vợ ông H) đối với 1.500m² (trong đó có 1.117m² đất đang yêu cầu bồi thường) đất kề cận đất của bà Nguyễn Ngọc L, bà P xác định thời điểm sử dụng đất từ năm 2006 nguồn gốc đất là do khai phá và canh tác nhưng chưa được sự cho phép của cơ quan chức năng. Ngày 26/8/2009 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C có Văn bản số 136/VPĐKQSD đất trả lời về việc cấp giấy CNQSD đất của bà P trong đó xác định trường hợp sử dụng đất của bà P không đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ.

Theo biên bản xác minh số 138/BB-TNMT ngày 17/4/2015, phiếu lấy ý kiến khu dân cư đều thống nhất nội dung ông H sử dụng đất 1.117m² từ năm 2010 đến nay. Những người làm chứng là ông Dương Văn P, bà Trần Thị Kim H, ông Lương Văn M đều khẳng định đất này ông H sử dụng khoảng năm 2008.

Ông H không cung cấp được giấy tờ gì chứng minh về thời điểm sử dụng đất ổn định theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ; do vậy, theo quy định tại khoản 5 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ông H không đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất nên cũng không đủ điều kiện được bồi thường theo khoản 1 Điều 75, khoản 4 Điều 82 Luật đất đai, khoản 1 Điều 13 Nghị định số 47/2014 của Chính phủ. Đề nghị Tòa bác đơn của người khởi kiện.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện tranh luận:

Theo Biên bản xác minh ngày 07/7/2016 xác định ông H sử dụng đất từ năm 1998. Nội dung xác minh này đúng theo qui định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP nên có giá trị. Các văn bản xác minh trước đó có các mốc thời gian khác nhau và xác minh của UBND huyện C không đúng trình tự nên không có giá trị. Cũng không thể căn cứ vào đơn xin cấp giấy CNQSD đất của ông H sử dụng từ năm 2006 làm căn cứ vì người dân không hiểu mốc thời gian để được cấp giấy CNQSD đất. Bản thân ông H không đăng ký kê khai đất đai vì phần lớn người dân trên đảo chỉ biết sử dụng đất mà không hiểu các thủ tục kê khai, đóng thuế. Các biên bản xác minh của UBND khi cấp giấy chủ quyền cho bà L (mẹ ông H) thể hiện phần đất ông H yêu cầu bồi thường là đất trống vì nhà nước tự làm không có ông H ký giáp ranh, việc trồng hoa màu cũng theo mùa vụ, nên có khi đất trống là khách quan.

Biên bản xác minh ngày 07/7/2016 cho dự án khác nhưng đất cùng nguồn gốc ông H sử dụng, do đó áp dụng cho cả dự án trường Trung học cơ sở (THCS) C. Từ căn cứ trên thì 1.117m² đất của ông H đủ điều kiện được cấp giấy CNQSD đất theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Điều 101 Luật đất đai nên đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013. Ông H yêu cầu hủy một phần Quyết định số 63 để bồi thường hỗ trợ cho ông H đối với diện tích 1.117m² đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện tranh luận:

Biên bản xác minh ngày 07/7/2016, tại biên bản này có ông T, bà H có ý kiến ông H sử dụng đất từ năm 1998, nhưng ông T, bà H có đất như ông H không được bồi thường, nên ý kiến không khách quan; bà H cho rằng ông H trồng cây ăn quả tươi tốt vào năm 2004 là mâu thuẫn với lời khai ông H và biên bản kiểm kê cây trồng, những người khác không có ý kiến gì. Cuối biên bản kết luận phòng Tài nguyên và Môi trường sẽ xác định cụ thể thời điểm quá trình sử dụng đất. Biên bản xác minh này cho một dự án khác chứ không phải cho dự án trường THCS C năm 2015.

Các văn bản xác minh trước đó hoàn toàn khách quan do dự án trường Trung học cơ sở C chưa triển khai, các đương sự không biết đất sau này có bị thu hồi hay không, nên các văn bản xác minh này có giá trị. Căn cứ vào đơn xin cấp GCNQSD đất của ông H thì đất sử dụng từ năm 2006; ông H không đăng ký kê khai đất đai do không hiểu các thủ tục kê khai là không đúng vì việc cấp chủ quyền đất đã có từ lâu,

bản thân khi cấp giấy GCNQSD đất cho bà L là mẹ ông H có đất sát ranh, nếu ông H sử dụng đất từ năm 1998 thì đã làm thủ tục cấp cùng với bà L (Bà L kê khai ngày 28/6/2006, được cấp chủ quyền năm 2008), khi xác minh đất bà L năm 2007 thể hiện phần đất ông H yêu cầu bồi thường là đất trống.

Từ căn cứ trên thì 1.117m² đất của ông H không đủ điều kiện được cấp giấy CNQSD đất theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Điều 101 Luật đất đai năm 2013 nên diện tích đất trên không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất quy định tại Điều 75 Luật đất đai năm 2013.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Lời khai ông H về thời gian sử dụng đất không thống nhất, tại đơn xin cấp giấy CNQSD đất ông H khai sử dụng từ năm 2006, tại biên bản kiểm kê ngày 17/11/2014 thì cây trồng cao nhất 04 năm tuổi. Không có tài liệu, chứng cứ nào xác định ông H sử dụng từ năm 1998, nên không đủ điều kiện bồi thường hỗ trợ về 1.117m² đất cho ông H, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính bác toàn bộ khởi kiện của ông H, ông H phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người khởi kiện nhưng có người đại diện có mặt, người bị kiện vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp có mặt nên Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa theo quy định tại Điều 157, Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện: Ông Võ Huy H khởi kiện Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của UBND huyện C (gọi tắt Quyết định số 63) phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 29/7/2016 ông H khởi kiện đối với Quyết định số 63 là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[4] Về hình thức: Quyết định số 63 ban hành đúng trình tự thủ tục theo quy định Luật đất đai, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[5] Về nội dung:

[5.1] Ông H khai rằng 1.117m² đất ông H khai phá từ năm 1998, căn cứ biên bản xác minh ngày 07/7/2016 xác định ông H sử dụng đất từ năm 1998; tuy nhiên biên bản này xác minh nguồn gốc đất cho dự án Các tuyến đường bên hông và trước mặt trường Trung học cơ sở (THCS) C, diện tích đất, vị trí đất không được xác định, hơn nữa cùng 01 thửa đất nhưng có thể có nhiều mốc thời gian sử dụng khác nhau, biên bản xác minh ngày 07/7/2016 không thể áp dụng cho việc bồi thường ở dự án trường THCS C năm 2015.

[5.2] Ngày 05/5/2009 bà Nguyễn Thị P (vợ ông H) và ông H làm đơn xin cấp giấy CNQSD đất đối với diện tích 1.500m² đất trên, nguồn gốc đất sử dụng vào năm 2006, việc khai nhận là khách quan do chưa có dự án thu hồi bồi thường về đất.

[5.3] Bà Nguyễn Ngọc L là mẹ ông H có đất cùng ranh thửa đất ông H yêu cầu bồi thường kê khai ngày 28/6/2006, được cấp giấy CNQSD đất năm 2008, nếu ông H sử dụng đất liên tục từ năm 1998 thì cũng đã kê khai xin cấp giấy CNQSD đất cùng bà Nguyễn Ngọc L, vì ông H công tác ở huyện C. Tại biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất ngày 02/3/2007 để cấp giấy CNQSD đất cho bà L thì đất phần ông H yêu cầu bồi thường là đất trống, có bà Huỳnh Thị Kim L đại diện khu dân cư và bà L là mẹ ông H ký xác nhận.

[5.4] Trong biên bản kiểm kê hiện trạng ngày 17/11/2014 của Trung tâm phát triển quỹ đất thì cây Xoài, Nhãn, Mãng cầu, Dừa đều trồng dưới 05 năm, nên lời trình bày của ông H không đúng thời gian sử dụng đất năm 1998. Ngoài ra ông H không cung cấp được giấy tờ đất chứng minh thời điểm sử dụng đất ổn định trước 01/7/2004 để được cấp giấy CNQSD đất.

[5.5] Ngày 21/7/2015 UBND huyện C ban hành Quyết định số 534 thu hồi đất để thực hiện dự án Trường THCS C trên cơ sở Văn bản số 8770/UBND-VP ngày 13/2/2013 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận điểm khảo sát, nghiên cứu lập dự án đầu tư xây dựng công trình Trường THCS C. Căn cứ Điều 101 Luật đất đai năm 2013 thì việc sử dụng đất của ông H không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất để được cấp giấy CNQSD đất.

Từ những căn cứ nêu trên thì trường hợp sử dụng đất của ông H không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 75, Điều 101 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Điều 20, Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ vì vậy UBND huyện C ban hành Quyết định số 63 là có cơ sở; do đó, bác yêu cầu khởi kiện của ông H.

[5.6] Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Võ Huy H không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện, căn cứ Điều 34 Pháp Lệnh án phí lệ phí Tòa án năm 2009 ông H phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 148, Điều 157, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

Áp dụng khoản 1 Điều 75, Điều 101 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Điều 20, Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 34 Pháp Lệnh án lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận khởi kiện của ông Võ Huy H đối với yêu cầu sửa một phần Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường hỗ trợ 1.117m² đất thuộc thửa số 1/270 tờ bản đồ số 28 tại huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Võ Huy H phải chịu 200.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0000671 ngày 01/11/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ông Võ Huy H đã nộp xong.

Các đương sự có quyền yêu cầu thi hành bản án, quyết định theo quy định tại các Điều 309, 311, 312 Luật tổ tụng hành chính.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa Phúc Thẩm-Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN**

(Đã ký)

Đào Đức Thiện